TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 425/2025/HS-ST.
Ngày: 20/6/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đời.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Quốc Hưng;

Ông Võ Văn Lợi.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Ngụy Khắc Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 361/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 424/2025/QĐXXST-HS ngày 03/6/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thùy L**, sinh năm 1981. Nơi thường trú: Số nhà A, Tổ B, ấp D, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Nơi ở hiện tại: 188BD5 đường N, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do. Cha tên Nguyễn Công T (chết), Mẹ tên Lê Thị L1 (sinh năm 1951); chồng tên Nguyễn Công Đ (sinh năm 1979), có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2015. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: **Dương Quốc C**, sinh năm 1973. Nơi thường trú: 60/6/2A đường TL29, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: 60/6/2A đường T, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe. Cha tên Từ T1 (chết), Mẹ tên Dương Thị T2 (sinh năm 1938); vợ tên Nguyễn Mỹ L2 (sinh năm 19744), có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: **Lê Xuân M** (tên gọi khác: S), sinh năm 1968. Nơi thường trú: Số G Đường F, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: Số C Đường D, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do. Cha tên Lê Văn D (chết), Mẹ tên Trần Thị P (chết); vợ tên Cao Thị Ngân H (chết); có 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1994. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Họ và tên: **Trần Duy P1**, sinh năm 1980. Nơi thường trú: Số C đường T, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: Số C Đường số E, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Thợ chăm sóc cây kiểng. Cha tên Trần Duy T3 (không rõ năm sinh), M1 tên Vũ Thị T4 (không rõ năm sinh); vợ tên Trần Thị Kim P2 (sinh năm 1976), có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ và tên: **Phạm Thanh T5**, sinh năm 1993. Nơi thường trú: Đội 3, Khu Ô, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Nơi ở hiện tại: Số A Đường C, Khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do. Cha tên Phạm Văn D1 (sinh năm 1971), Mẹ tên Tô Thị Thanh T6 (sinh năm 1971); vợ tên Nguyễn Thị Thúy D2 (sinh năm 1997), có 01 người con sinh năm 2021. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(*Các bị cáo đều có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Quốc C, Phạm Thanh T5, Trần Duy P1 và Lê Xuân M là bạn bè quen biết với nhau từ trước, thường xuyên uống cà phê tại quán cà phê Bốn M2 (địa chỉ 188BD5 đường N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) do Nguyễn Thùy L làm chủ quán.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 19/12/2024, trong lúc đang uống cà phê tại quán B, C, T5, P1 và M cùng rủ nhau đánh bài binh xập xám, tính chi, ăn thua bằng tiền, mỗi chi 20.000 đồng và thống nhất dùng 02 bộ bài tây 52 lá do Thùy L cung cấp. Trước khi tham gia đánh bạc, C mang theo 4.040.000 đồng, M mang theo 960.000

đồng, P1 mang theo 1.300.000 đồng và T5 mang theo 20.000 đồng sau đó mượn Thùy L 2.000.000 đồng và tất cả số tiền trên đều sử dụng vào việc đánh bạc. Các đối tượng thỏa thuận mỗi người cầm cái 03 lượt, không đậu chến; bắt đầu ván chơi người cầm cái sẽ chia cho mỗi người 13 lá bài, sau đó mỗi người sẽ tự sắp xếp 13 lá bài của mình thành 03 chi; chi đầu 03 lá, chi thứ hai 05 lá, chi thứ ba 05 lá, sau đó cùng hạ bài để so sánh các chi với nhau để ăn thua bằng tiền từng chi. Đồng thời, bốn đối tượng thống nhất trong mỗi ván bài nếu người nào thắng sẽ bỏ ra 20.000 đồng là tiền xâu để đưa cho L.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi C, T5, P1 và M đang đánh bạc và chung tiền thắng thua trên chiếu bạc thì Đ2 Công an thành phố T phối hợp Công an phường T kiểm tra, phát hiện và thu giữ của C số tiền 4.120.000 đồng (trong đó tiền mang theo là là 4.040.000 đồng, thắng 80.000 đồng, đã đóng tiền xâu 40.000 đồng); thu giữ của T5 số tiền 2.000.000 đồng (trong đó tiền mang là 20.000 đồng, mượn của L 2.000.000 đồng, thua 20.000 đồng, đã đóng tiền xâu 20.000 đồng); thu giữ của P1 số tiền 1.760.000 đồng (trong đó tiền mang theo là 1.300.000 đồng, thắng 460.000 đồng, đã đóng tiền xâu 60.000 đồng); thu giữ của M số tiền 280.000 đồng (trong đó tiền mang theo là 960.000 đồng, thua 680.000 đồng, đã đóng tiền xâu 40.000 đồng) và thu giữ của L số tiền 160.000 đồng (là tiền xâu).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, C, T5, P1, M và Thùy L đều thừa nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Vật chứng và đồ vật thu giữ trong vụ án gồm: 02 bộ bài tây 52 lá; 01 hộp nhựa hình trụ tròn dùng để bỏ tiền xâu; 02 bàn nhựa và 06 ghế sắt có dây đan bằng nhựa; số tiền 8.320.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 316/CTr-VKSTPTĐ ngày 13/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố các bị cáo Dương Quốc C, Phạm Thanh T5, Trần Duy P1, Lê Xuân M và Nguyễn Thùy L về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), sau đây viết là BLHS.

*** Tại phiên tòa**:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng.

- Các bị cáo Dương Quốc C, Phạm Thanh T5, Trần Duy P1, Lê Xuân M và Nguyễn Thùy L đã khai và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình và đều nhất trí với nội dung truy tố của Viện kiểm sát.

- *Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội*: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra, lời nhận tội của các bị cáo cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Dương Quốc C, Phạm Thanh T5, Trần Duy P1, Lê Xuân M và Nguyễn Thùy L phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 65 BLHS xử phạt các bị cáo Dương Quốc C, Phạm Thanh T5, Trần Duy P1, Lê Xuân M và Nguyễn Thùy L mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm kể từ ngày tuyên án. Về vật chứng, đề nghị tuyên tịch thu sung ngân sách số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc; đối với các vật chứng khác do không cong giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy. Về án phí, các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

- Các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

- Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, thật sự ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo, áp dụng hình phạt với mức án khoan hồng, cho các bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt có ích cho xã hội, chăm lo cho cuộc sống gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau; phù hợp với tang vật, vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/12/2024, tại quán B (địa chỉ số A N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), các bị cáo Dương Quốc C, Phạm Thanh T5, Trần Duy P1 và Lê Xuân M có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài binh xập xám, tính chi, ăn thua bằng tiền, mỗi chi 20.000 đồng. Hành vi đánh bạc trên của các bị cáo bị bắt quả tang.

Các bị cáo C, T5, P1, M là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ đánh bạc dưới hình thức đánh bài binh xập xám ăn thua bằng tiền như trên là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi trên của các bị cáo đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc", tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 8.320.000 đồng nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Đối với bị cáo Nguyễn Thùy L là chủ quán cà phê Bốn M2 nhưng không phải là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo các bị cáo C, T5, P1 và M đánh bạc; số người tham gia đánh bạc không đủ 10 người và chỉ có 01 chiếu bạc nên không đủ căn cứ xử lý bị cáo L về tội tổ chức đánh bạc. Tuy nhiên, hành vi cung cấp bộ bài, thu tiền xâu từ việc đánh bạc của các bị cáo khác là đủ cơ sở để truy tố bị cáo L về tội đánh bạc theo điều khoản nêu trên với vai trò đồng phạm.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh theo điều khoản, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; bài bạc là tệ nạn xã hội, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác, gây mất trật tự an ninh ở địa phương, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội, làm tiêu tán tài sản, kinh tế của nhiều gia đình, do đó để đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung thì việc truy tố, xét xử và buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, các bị cáo Dương Quốc C, Phạm Thanh T5, Trần Duy P1, Lê Xuân M và Nguyễn Thùy L đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, các bị cáo đều có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; là những người lao động mang lại thu nhập chính để nuôi sống gia đình, do đó đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, là những lao động chính trong gia đình, việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là nhất thời bộc phát; xét các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và Pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo tiếp tục công việc, kiếm thu nhập nuôi sống gia đình.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định, phân tích của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: Số tiền 8.320.000 đồng, xét đây là số tiền thu được trong vụ án mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, do đó cần tịch thu sung quỹ.

- Đối với: 02 bộ bài tây 52 lá; 01 hộp nhựa hình trụ tròn dùng để bỏ tiền xâu; 02 bàn nhựa và 06 ghế sắt có dây đan bằng nhựa, xét đây là các công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, các vật chứng này không còn giá trị sử dụng, do đó cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Tuyên bố các bị cáo: Dương Quốc C, Phạm Thanh T5, Trần Duy P1, Lê Xuân M và Nguyễn Thùy L phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

- Xử phạt bị cáo **Dương Quốc C** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Dương Quốc C cho Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Thanh T5** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Thanh T5 cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Trần Duy P1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Duy P1 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Lê Xuân M** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Xuân M cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thùy L** 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thùy L cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thờ i gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được cho hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Tuyên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: Số tiền 8.320.000 (tám triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng (theo Giấy nộp tiền mặt ngày 23/5/2025 của Ngân hàng B1 – Chi nhánh thành phố T – Phòng giao dịch Võ Văn N).

- Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với: 02 (hai) bộ bài tây 52 lá; 01 (một) hộp nhựa hình trụ tròn dùng để bỏ tiền xâu; 02 (hai) bàn nhựa và 06 (sáu) cái ghế có đan bằng nhựa (theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 366C ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Buộc các bị cáo: Dương Quốc C, Phạm Thanh T5, Trần Duy P1, Lê Xuân M và Nguyễn Thùy L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Các bị cáo: Dương Quốc C, Phạm Thanh T5, Trần Duy P1, Lê Xuân M và Nguyễn Thùy L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

(*Hội đồng xét xử đã giải thích về chế định án treo cho các bị cáo*).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**
		(Đã ký)
Cao Quốc Hưng	**Võ Văn Lợi**	**Danh Đời**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Công an TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.Hồ Chí Minh;
- UBND phường nơi các bị cáo cư trú;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự; các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án (Đ-Kim Anh), 40.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Danh Đời